

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



HCMUARC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ

POSTGRADUATE TRAINING PROGRAM

NGÀNH
QUẢN LÝ ĐÔ THỊ & CÔNG TRÌNH

Urban Management

60.58.01.06

TP.HCM – 2012

MỤC LỤC

1	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	3
2	THỜI GIAN ĐÀO TẠO và KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	4
3	ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH	4
4	QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
4.1	Khái quát về chương trình đào tạo	4
4.2	Hình thức tổ chức dạy và học.....	4
4.3	Tổ chức giảng dạy các học phần	5
4.4	Đánh giá học phần.....	5
5	THANG ĐIỂM	6
6	KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH	6
6.1	Cấu trúc chương trình đào tạo.....	6
6.2	Nội dung chương trình đào tạo	6
7	MÔ TẢ VẮN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN.....	8
7.1	Các học phần chung	8
7.1.1	KQD01 - Triết học.....	8
7.1.2	KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh).....	8
7.2	Các học phần bắt buộc	8
7.2.1	KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học.....	8
7.2.2	KD01 - Xã hội học đô thị.....	8
7.2.3	QD04 - Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.....	9
7.2.4	QD05 - Quản lý đất đai và bất động sản.....	9
7.2.5	QD07 - Quản lý quy hoạch, kiến trúc & xây dựng đô thị	9
7.2.6	D01 - Quản lý môi trường đô thị	9
7.2.7	D02 - Đồ án quản lý đô thị	10
7.3	Các học phần tự chọn	10
7.3.1	KQD04 - Bảo tồn di sản kiến trúc	10
7.3.2	KQD05 - Thiết kế đô thị	10
7.3.3	KQD06 - Kiến trúc cảnh quan	10
7.3.4	QD01 - Lý luận phát triển không gian đô thị.....	10
7.3.5	QD02 - Lý thuyết quy hoạch	11
7.3.6	QD03 - Chính sách và công cụ quản lý đô thị	11
7.3.7	QD06 - Quản lý vận tải hành khách công cộng đô thị.....	11
7.3.8	D03 - Đô thị hoá và phân bố dân cư	11
7.3.9	D04 - Văn hoá đô thị.....	11
7.3.10	D05 - Những vấn đề của thành phố cực lớn	12
7.3.11	D06 - Cây xanh đô thị.....	12
7.3.12	D07 - Quản lý các di sản văn hoá đô thị	12

7.3.13 D08 - QH cải tạo đô thị.....	12
7.4 Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp.....	13
7.4.1 D09 – Tham quan và Phương pháp luận thực hiện luận văn.....	13
7.4.2 KQD - Luận văn tốt nghiệp	13

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ *POST - GRADUATE PROGRAM*

Ngành đào tạo: Quản lý đô thị và công trình
Urban Management
Mã số: 60.58.01.06
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Full-time

1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

+ Mục tiêu tổng quát của Chương trình Thạc sĩ ngành Quản lý Đô thị và Công trình của Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM là cung cấp cho người học một chương trình đào tạo nâng cao làm cơ sở lý luận cho việc hành nghề quản lý đô thị trong bối cảnh Việt Nam. Những đặc trưng chính của chương trình là:

- Đạt được trình độ quản lý đô thị cấp cao trên cơ sở các quy chuẩn pháp luật hiện hành đã được Nhà nước Việt Nam công nhận và phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Phù hợp với bối cảnh đô thị Việt Nam và có khả năng đáp ứng được các nhu cầu thực tế trong ngành quản lý đô thị;
- Đáp ứng được các yêu cầu trong chính sách đổi mới phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm và sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.
- Tập trung phát triển năng lực tự học của sinh viên, xem đây là phương thức học tập có hiệu quả để đào tạo ra các nhà quản lý đô thị có năng lực trong tương lai.

+ Mục tiêu cụ thể của chương trình là phát triển các **năng lực nâng cao** cho nhà Quản lý đô thị trong tương lai bao gồm:

- **Khả năng phân tích:** để đánh giá ảnh hưởng và tác động qua lại của các yếu tố thuộc các lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, phân tích lựa chọn các giải pháp quản lý và phát triển đô thị cho tương lai.
- **Khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn:** nắm vững các phương pháp luận trong quản lý đô thị, nắm vững các phương pháp và tiến trình quản lý đô thị khác nhau trong bối cảnh đô thị Việt Nam, vận dụng và áp dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành khác nhau trong quá trình quản lý đô thị.
- **Khả năng phán đoán:** nhằm xác định tầm nhìn trong tương lai và xây dựng các chiến lược quản lý đô thị khả thi cho từng giai đoạn
- **Khả năng sáng tạo:** sử dụng tư duy khoa học để tìm ra các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề trong quá trình quản lý đô thị,

- **Khả năng về xã hội:** nắm vững và áp dụng các phương pháp nghiên cứu xã hội, vận dụng trong quản lý đô thị
- **Khả năng về kinh tế:** xác định được vấn đề then chốt của phát triển đô thị, nắm vững và cân đối lợi ích của các bên liên quan trong quá trình quản lý đô thị.
- **Khả năng về môi trường:** nắm vững các phương pháp đánh giá môi trường, và các tác động đến môi trường của quá trình quy hoạch nhằm đề xuất giải pháp tối ưu trong quản lý quy hoạch xây dựng đô thị.
- **Khả năng về thủ tục thể chế:** nắm vững và vận dụng các yếu tố pháp lý trong quá trình quản lý quy hoạch xây dựng đô thị, đặc biệt gắn với pháp lý Quy hoạch xây dựng hiện hành tại Việt Nam.
- **Khả năng giao tiếp và tham vấn cộng đồng:** Giao tiếp và tham vấn nguyện vọng cộng đồng kết hợp với tính nghiêm minh của pháp lý để quản lý và phát triển đô thị phù hợp với lòng dân và đúng pháp luật

2 THỜI GIAN ĐÀO TẠO và KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

+ Thời gian đào tạo: Từ 18 – 24 tháng.

+ Khối lượng Kiến thức: Tối thiểu 45 Tín chỉ

3 ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

- Người có bằng tốt nghiệp đại học đúng ngành (Quản lý Đô thị và công trình) hoặc phù hợp (Quy hoạch, Kiến trúc, Kỹ thuật xây dựng...) được đăng ký dự thi theo quy định của Quy chế đào tạo Trình độ thạc sĩ.

4 QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

4.1 Khái quát về chương trình đào tạo

- a) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ có thời lượng khoảng 45 tín chỉ.
- b) Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc 45 - 60 giờ viết tiểu luận, bài tập lớn hoặc luận văn tốt nghiệp.
- c) Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ học viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.
- d) Một tiết học được tính bằng 50 phút.

4.2 Hình thức tổ chức dạy và học

- a) Hình thức tổ chức dạy - học phù hợp với phương thức đào tạo sau đại học theo tín chỉ là cách thức tổ chức thực hiện các hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của học viên ứng với từng loại hình học phần hay bài học cụ thể, trong đó chú trọng đặc biệt khâu tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành nhằm tích lũy đủ khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của một chương trình đào tạo thạc sĩ.
- b) Có ba hình thức tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo sau đại học:
 - Lên lớp: giảng viên giảng bài, hướng dẫn học viên thảo luận, làm bài tập và thực hiện các hoạt động khác.

- Thực hành: giảng viên hướng dẫn học viên đi nghiên cứu, khảo sát, thực hiện đồ án chuyên ngành...

- Tự học: học viên học tập theo hình thức cá nhân hoặc cặp/nhóm ở nhà, trong phòng học, thư viện v.v. để chuẩn bị nội dung lên lớp, củng cố kiến thức đã học, khám phá kiến thức mới, thực hiện những nhiệm vụ học tập khác được giảng viên giao.

- c) Tổ chức hoạt động dạy - học trong đào tạo thạc sĩ cần tăng cường phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; đẩy mạnh thảo luận, tăng cường học tập ngoại khóa, học tập theo chuyên đề, học tập tại hiện trường, công trường, bối cảnh thực tế.

4.3 Tổ chức giảng dạy các học phần

- a) Học phần được cấu trúc trong chương trình đào tạo thạc sĩ QLĐT là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho học viên tích lũy trong quá trình học tập, nội dung học phần được phân bố giảng dạy đều trong một học kỳ. Thời lượng tối thiểu của học phần là 2 tín chỉ và tối đa là 4 tín chỉ.
- b) Nội dung học phần bao gồm 2 phần chính: giảng dạy lý thuyết và thực hành (bài tập, thí nghiệm, thực hành, tiểu luận), trong đó phần thực hành đảm bảo tối thiểu là 30 % thời lượng học phần.
- c) Học phần bắt buộc gồm những nội dung kiến thức chính yếu của chương trình đào tạo thạc sĩ QLĐT mà học viên bắt buộc phải tích lũy.
- d) Học phần lựa chọn gồm những nội dung nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng kiến thức nghề nghiệp của học viên trong chuyên ngành QLĐT, học viên được lựa chọn theo hướng dẫn của phòng sau đại học - trường ĐH Kiến trúc hoặc lựa chọn tùy ý theo cấu trúc đề cương chi tiết chương trình đào tạo thạc sĩ QLĐT, để tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình đào tạo trên.
- e) Để thực hiện kế hoạch đào tạo, mỗi học phần đều có đề cương chi tiết được Hội đồng Khoa học ĐH Kiến trúc Tp.HCM thông qua và được cố định cho mỗi khóa đào tạo. Đề cương chi tiết đã thể hiện đầy đủ nội dung (theo mẫu tại Phụ lục 1): tên, mã số học phần; loại học phần (bắt buộc, tự chọn); số tín chỉ; loại giờ tín chỉ, giảng viên; chuẩn kiến thức và kỹ năng đầu ra của học phần; mục tiêu học phần, tóm tắt nội dung học phần; học phần tiên quyết, học trước, song hành; nội dung chi tiết học phần; yêu cầu về bài tập, thảo luận và viết tiểu luận nghiên cứu; tài liệu tham khảo (tối thiểu giới thiệu 05 đầu sách chính); phương thức đánh giá và trọng số điểm của từng lần kiểm tra, thi kết thúc học phần; điều kiện được dự thi kết thúc học phần. Giảng viên phụ trách giảng dạy học phần có trách nhiệm phổ biến cho học viên đề cương chi tiết, lịch trình giảng dạy vào giờ lên lớp đầu tiên của học phần.
- f) Nội dung học phần được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật, hiện đại hóa phù hợp với trình độ phát triển khoa học, công nghệ và yêu cầu của thực tiễn. Việc điều chỉnh, bổ sung những nội dung cơ bản của học phần được Hội đồng khoa học và đào tạo của trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM thông qua và lập thành hồ sơ lưu tại đơn vị đào tạo.

4.4 Đánh giá học phần

- a) Đánh giá học phần được dựa trên các điểm thành phần (bài tập, tiểu luận, thi kết thúc học phần) và điểm tổng kết theo quy định của giảng viên trong từng học phần;

- b) Các điểm đánh giá học phần được chấm theo thang điểm 10, lẻ đến 0.5 điểm. Điểm học phần là tổng các điểm đánh giá học phần đã nhân với trọng số của từng điểm đánh giá được quy định trong đề cương chi tiết học phần, lấy đến hai chữ số thập phân và không làm tròn. Việc chấm kiểm tra, bài tập, chấm thi kết thúc học phần do GV phụ trách học phần đảm nhiệm;

5 THANG ĐIỂM

Thang điểm 10 có thể quy đổi sang thang điểm 4 (điểm số và điểm chữ) theo quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Chữ	Số
Đạt*	từ 9,5 đến 10	A+	4,5
	từ 8,5 đến 9,4	A	4,0
	từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	dưới 4,0	F	0

6 KHUNG CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

6.1 Cấu trúc chương trình đào tạo

KHỐI KIẾN THỨC		Số TC	Tỷ lệ
KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	Triết học	2	11,11%
	Tiếng Anh	3	
KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH	Bắt buộc	17	37,78 %
	Lựa chọn	14	31,11%
Luận văn tốt nghiệp		9	20%
Tổng số			100%

6.2 Nội dung chương trình đào tạo

Mã số	TÊN HỌC PHẦN	Số TC	TC Lý thuyết	TC thực hành
	CÁC HỌC PHẦN CHUNG	5	4	1
KQD01	Triết học	2	2	0

KQD03	Ngoại ngữ	3	2	1
	CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC	17	9	8
KQD03	Phương pháp NCKH	2	2	0
KD01	Xã hội học đô thị	2	1	1
QD04	Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị	3	2	1
QD05	Quản lý đất đai và bất động sản	2	1	1
QD07	Quản lý QH, kiến trúc & xây dựng đô thị	3	2	1
D01	Quản lý môi trường đô thị	2	1	1
D02	Đồ án: Quản lý đô thị	3	0	3
	CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN	12		
	<i>D1 - Tự chọn cơ sở</i>			
D03	Đô thị hóa và phân bố dân cư	2	1	1
D04	Văn hóa đô thị	2	1	1
	<i>D2 – Tự chọn chuyên ngành 1</i>			
KQD05	Thiết kế đô thị	3	2	1
QD02	Lý thuyết quy hoạch	3	2	1
QD03	Chính sách và công cụ quản lý đô thị	3	2	1
	<i>D3 – Tự chọn chuyên ngành 2</i>			
KQD04	Bảo tồn di sản kiến trúc	2	2	0
KQD06	Kiến trúc cảnh quan	3	2	1
QD01	Lý luận phát triển KGĐT	3	2	1
	<i>D4 – Tự chọn nghiên cứu bối cảnh 1</i>			
D05	Những vấn đề của TP cực lớn	2	1	1
D06	Cây xanh đô thị	2	1	1
	<i>D5 – Tự chọn nghiên cứu bối cảnh 2</i>			
QD06	Quản lý vận tải HKCC đô thị	2	1	1
D07	Quản lý di sản văn hóa đô thị	2	1	1
D08	Quy hoạch cải tạo ĐT	2	1	1
	TỐT NGHIỆP	11		11
D09	Tham quan + PP luận thực hiện LVTN	2	0	2
KQD	LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP	9	0	9
	Tổng cộng	45	21	24

7 MÔ TẢ VĂN TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

7.1 Các học phần chung

7.1.1 KQD01 - Triết học

* Số tín chỉ: 02

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học phần Triết học nhằm nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận triết học, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn (quản lý đô thị) của học viên.

7.1.2 KQD02 - Ngoại ngữ (Tiếng Anh)

* Số tín chỉ: 03

Học phần giúp học viên có thể đạt được trình độ B1 (mức 3/6) theo khung châu Âu. Cụ thể, sau khi học xong học phần, học viên có thể:

- Hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v.
- Xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ
- Viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm
- Mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngữ pháp và từ vựng (liên quan đến các vấn đề văn hóa, xã hội, kỹ thuật, môi trường ...) ở trình độ trung cấp. Đồng thời, học phần giúp học viên luyện tập và trau dồi bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Nguồn tư liệu được sử dụng trong quá trình học được lấy từ sách, báo và tạp chí, từ biển quảng cáo, bảng báo hiệu thường gặp trong đời sống hằng ngày.

7.2 Các học phần bắt buộc

7.2.1 KQD03 - Phương pháp nghiên cứu khoa học

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản sau:

- Giới thiệu cách thức tiếp cận những vấn đề Khoa học; qua đó người học có thể lựa chọn những hướng & đề tài Nghiên cứu Khoa học phù hợp với nhu cầu & sở trường cá nhân;
- Giới thiệu những phương pháp chung và phương pháp đặc thù sử dụng trong Nghiên cứu Khoa học;
- Giới thiệu về phương pháp luận của một đề tài Nghiên cứu Khoa học;
- Giới thiệu qui trình thực hiện một công trình Nghiên cứu Khoa học, cách thức tổ chức công tác Nghiên cứu Khoa học từ thu thập, xử lý thông tin đến trình bày & bảo vệ kết quả nghiên cứu.

7.2.2 KD01 - Xã hội học đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các nội dung cơ bản sau:

- Một số khái niệm cơ bản trong xã hội học.
- Một số phương pháp nghiên cứu xã hội học thông dụng.
- Các lý thuyết về xã hội học đô thị
- Đô thị hoá và vấn đề phát triển bền vững
- Vấn đề di dân, vấn đề nhà ở đô thị và vấn đề nghèo đô thị
- Lối sống đô thị và các tổ chức xã hội.

7.2.3 QD04 - Quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chủ yếu và những quan điểm mới trong quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó đi sâu vào quản lý giao thông đô thị, quản lý hệ thống cây xanh đô thị, (Quản lý môi trường ĐT có học phần riêng), quản lý hệ thống cấp thoát nước, hệ thống năng lượng, thông tin trong đô thị, sự tham gia của cộng đồng trong quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị.

7.2.4 QD05 - Quản lý đất đai và bất động sản

* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ cung cấp kiến thức về lý thuyết và thực tiễn về quản lý đất đai và bất động sản đô thị, qua đó tập trung phân tích và đánh giá các tác động của đất đai và thị trường bất động sản đến quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của đô thị. Thông qua việc phân tích thực trạng các vấn đề trong quản lý đất đai và thị trường bất động sản tại Việt Nam, học phần nâng cao năng lực phân tích và giải quyết các vấn đề về quản lý đô thị, các chính sách và pháp lý liên quan trong lĩnh vực đất và bất động sản, từ đó học viên có thể xây dựng các giải pháp cho những trường hợp cụ thể tại Việt Nam.

7.2.5 QD07 - Quản lý quy hoạch, kiến trúc & xây dựng đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ cung cấp các nội dung, phương pháp nghiên cứu và thực hành về quản lý và phát triển Xây dựng đô thị, tập trung vào các nội dung quản lý Quy hoạch, Kiến trúc, công tác xây dựng cơ bản các khu vực riêng biệt hoặc toàn đô thị. Các quy định pháp lý trong lĩnh vực kiến trúc quy hoạch và xây dựng sẽ được trình bày cùng với việc phân tích hệ thống pháp lý của Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng sẽ giúp học viên nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý đô thị hiện nay tại các đô thị.

7.2.6 D01 - Quản lý môi trường đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần sẽ giới thiệu cho học viên những cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường đô thị để sau khi hoàn tất học phần, học viên có được kiến thức và kỹ năng tổng quan về quản lý môi trường đô thị, hiểu biết các nguyên tắc của việc phát triển đô thị bền vững, các vấn đề môi trường đô thị nổi bật và các chính sách, giải pháp và kinh nghiệm quản lý môi trường đô thị ở Việt Nam và trên thế giới.

7.2.7 D02 - Đồ án quản lý đô thị

* Số tín chỉ: 03

Đề án hay đồ án QLĐT theo bối cảnh có thể kết hợp với các nhóm ngành kiến trúc và quy hoạch, nhằm phát triển sự hiểu biết và vận dụng các lý luận khoa học của QLĐT trong quy trình lập kế hoạch QLĐT theo quy định hiện hành ở Việt Nam. Chủ yếu là chú trọng vào quản lý sự phát triển không gian, nhà ở và môi trường đô thị mà trong bối cảnh của Việt Nam ở giai đoạn chuyển đổi đã tạo nên những yếu tố phức tạp cho quá trình QLĐT. Học phần còn phân tích khía cạnh QLĐT trong quá trình phát triển đô thị, qua đó, các học viên ngành quản lý đô thị có thể tích hợp được các yếu tố học thuật hàn lâm và khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam để có thể tiến hành thực hiện các đề án quản lý đô thị trong tương lai sau khi tốt nghiệp.

7.3 Các học phần tự chọn

7.3.1 KQD04 - Bảo tồn di sản kiến trúc

* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ giới thiệu các nguyên tắc chung về bảo tồn các di sản kiến trúc, các nguyên nhân biến đổi và huỷ hoại di sản, lược sử bảo tồn các di sản kiến trúc, quá trình bảo tồn các di sản kiến trúc ở Việt Nam, những quan điểm và yêu cầu về công tác bảo tồn và đặc điểm của các phương pháp bảo tồn, nghiên cứu khảo sát di sản kiến trúc cần bảo tồn, thiết kế trùng tu di tích, kinh nghiệm bảo tồn di sản kiến trúc ở nước ngoài.

7.3.2 KQD05 - Thiết kế đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần này giúp học viên tiếp cận các vấn đề cơ bản và các lý luận nâng cao của thiết kế đô thị bằng việc phát triển các nguyên tắc, phương pháp và cách thức thực hành cần thiết có được các thiết kế đô thị chất lượng. Học phần chú trọng vào việc xây dựng các nguyên tắc và giải pháp được thể chế hóa trong xây dựng, kiến trúc, quy hoạch đô thị, chú trọng vào việc xây dựng không gian đô thị đa dạng và bền vững, tạo ra các môi trường đô thị chất lượng cao và dễ tiếp cận.

7.3.3 KQD06 - Kiến trúc cảnh quan

* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm chính, các lý luận, phương pháp và thực hành về kiến trúc cảnh quan. Với cấp độ không gian đô thị, học phần tập trung vào cách thức để phát triển cảnh quan đô thị hiện nay. Ngoài ra, học phần còn xây dựng các cách thức nghiên cứu, chỉ ra quá trình hình thành các không gian cảnh quan đô thị, và giới thiệu các kinh nghiệm của các khu vực khác nhau trong việc tổ chức không gian cảnh quan. Qua đó, học phần sẽ nhấn mạnh nội dung và phương pháp thực hiện việc thiết kế cảnh quan các khu vực dân dụng và các khu vực mở (không gian trống) trong đô thị.

7.3.4 QD01 - Lý luận phát triển không gian đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần sẽ cung cấp kiến thức và lý luận về đô thị và sự phát triển không gian đô thị, những quy luật về mối quan hệ giữa thành phần đô thị và các giải pháp tổ chức không gian đô thị. Thêm vào đó, học phần này còn giới thiệu các vấn đề của bối cảnh đô thị tác động vào quá trình hình thành các lý luận về phát triển đô thị, những ứng xử trong giải pháp quy hoạch và phát triển không gian đô thị. Học phần sẽ phát triển kỹ năng của học viên trong việc phân tích các vấn đề đô thị và không gian đô thị, nâng cao các năng lực cần thiết trong công tác quy hoạch và quản lý đô thị

7.3.5 QD02 - Lý thuyết quy hoạch

* Số tín chỉ: 03

Học phần này giới thiệu cho học viên bản chất của các lý thuyết quy hoạch: “Lý thuyết trong quy hoạch”; “Lý thuyết cho quy hoạch” và “Lý thuyết của quy hoạch”. Lý Thuyết quy hoạch trình bày phương pháp luận của quy hoạch và qua đó giới thiệu về quy hoạch đô thị như một quá trình. Học phần còn giới thiệu, phân tích và so sánh hệ thống quy hoạch trên thế giới theo các bối cảnh đô thị khác nhau.

7.3.6 QD03 - Chính sách và công cụ quản lý đô thị

* Số tín chỉ: 03

Học phần này sẽ giới thiệu tổng quan các lý luận và thực tiễn của quản lý đô thị, qua đó trình bày các chính sách và công cụ quản lý đô thị từ cấp độ vĩ mô đến vi mô. Học phần này cũng cung cấp các kiến thức tổng quát, phương pháp phân tích và giải pháp quản lý đô thị như: nội dung và lý luận của quản lý đô thị, yếu tố pháp luật, vai trò của Nhà nước, vai trò và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình quản lý đô thị, mối tương quan giữa quy hoạch và quản lý đô thị trong quá trình phát triển đô thị, hệ thống chính sách dài hạn và các công cụ biện pháp ngắn hạn.

7.3.7 QD06 - Quản lý vận tải hành khách công cộng đô thị

* Số tín chỉ: 02

Trong học phần này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề giao thông công cộng đô thị dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một đô thị khác mà giảng viên đề xuất. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu nghiên cứu từ nhu cầu đi lại trong đô thị, các loại phương tiện GTCC trong đô thị với các nguyên tắc bố trí, hiệu quả phát triển GTCC trong đô thị, thực trạng và đề xuất phương hướng phát triển theo xu thế hiện đại hoá ... đến ý tưởng về tổ chức và quản lý GTCC đô thị.

7.3.8 D03 - Đô thị hoá và phân bố dân cư

* Số tín chỉ: 02

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về đô thị hoá và phân bố dân cư với các nội dung như sau:

- Những tư tưởng và luận thuyết tác động trực tiếp đến quá trình đô thị hoá và phân bố dân cư (trong lĩnh vực kinh tế xã hội; trong định dạng cư trú của loài người).
- Đô thị hoá và phân bố dân cư

7.3.9 D04 - Văn hoá đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học phần này cung cấp kiến thức tổng quan về văn hóa vật thể và phi vật thể. Giúp học viên nhận thức được đặc trưng của văn hóa đô thị để từ đó thấy được tính đa dạng, phức hợp, chuyển hóa của đô thị. Đồng thời phân biệt được đặc thù của mỗi đô thị để có những ứng xử phù hợp với văn hóa đặc trưng từng đô thị.

Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến văn hóa Việt Nam và đặc thù văn hóa đô thị ở mỗi vùng, giúp học viên có được những hiểu biết ban đầu về mối quan hệ giữa văn hóa và đô thị để ứng dụng trong quy hoạch và thiết kế đô thị.

7.3.10 D05 - Những vấn đề của thành phố cực lớn

* Số tín chỉ: 02

Trong học phần này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề của thành phố cực lớn dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một thành phố cực lớn nào khác do giảng viên phụ trách chỉ định. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu từ mô tả tổng quan thành phố cực lớn; các vấn đề về Thành phố cực lớn, bản chất và đặc trưng Thành phố cực lớn..., đến tác động của toàn cầu hoá với các yêu cầu mới ảnh hưởng đến phát triển Thành phố cực lớn, quy hoạch cực lớn và tổ chức không gian Thành phố cực lớn. Học phần còn phát triển các tư duy, lý luận và thực tiễn trong việc thể hiện ý tưởng về những không gian công cộng, góp phần kiến tạo những nơi chốn có giá trị trong Thành phố cực lớn.

7.3.11 D06 - Cây xanh đô thị

* Số tín chỉ: 02

Trong học phần này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề của cây xanh đô thị dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một thành phố cực lớn nào khác do giảng viên phụ trách chỉ định. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu từ mô tả tổng quan cây xanh đô thị (CXĐT), thực trạng về CXĐT khu vực nghiên cứu, tác động của CXĐT đối với cư dân, các chính sách phát triển cây xanh, ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển CXĐT. Các kịch bản và ý tưởng cho giải pháp phát triển hệ thống CXĐT trong bối cảnh đô thị hoá.

7.3.12 D07 - Quản lý các di sản văn hoá đô thị

* Số tín chỉ: 02

Trong học phần này, học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề quản lý các di sản văn hoá đô thị dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một thành phố nào khác do giảng viên phụ trách chỉ định. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu từ mô tả tổng quan việc quản lý di sản văn hoá đô thị (DSVHĐT), thực trạng về quản lý DSVHĐT tại khu vực nghiên cứu, tác động của DSVHĐT đối với cư dân, các chính sách bảo tồn và phát triển DSVHĐT, ... đến ảnh hưởng của đô thị hoá đối với phát triển DSVHĐT. Các kịch bản và ý tưởng cho giải pháp quản lý các DSVHĐT trong bối cảnh đô thị hoá.

7.3.13 D08 - QH cải tạo đô thị

* Số tín chỉ: 02

Học viên được làm việc theo nhóm và tập trung nghiên cứu những vấn đề cải tạo đô thị dựa trên thực tiễn tại Tp.HCM hoặc một thành phố nào khác do giảng viên phụ trách chỉ định. Học phần kết hợp giữa học lý thuyết và nghiên cứu thực tiễn với từng giai đoạn nghiên cứu. Các nhóm được yêu cầu tập trung nghiên cứu từ mô tả tổng quan việc QH cải tạo đô thị tại đô

thị nghiên cứu; phân tích, đánh giá việc QH cải tạo đô thị trên cơ sở các nguyên tắc, khuynh hướng lý thuyết, thực hành và quy trình thực hiện QH cải tạo đô thị,... đến các yếu tố ảnh hưởng đến QH cải tạo đô thị, sự tham dự của cộng đồng. Các đề xuất ý tưởng về quản lý và QH cải tạo đô thị tối ưu.

7.4 Học phần chuẩn bị tốt nghiệp và tốt nghiệp

7.4.1 D09 – Tham quan và Phương pháp luận thực hiện luận văn

* Số tín chỉ: 02

- Học phần gồm 02 nội dung cơ bản: (i) một chuyến tham quan thực tế tại 01 đô thị cụ thể: có thể là nước ngoài (tùy thuộc vào yêu cầu thực tiễn của luận văn tốt nghiệp và khả năng của nhóm học viên: tối thiểu 12 HV) tại 01 trong những trường đại học có liên kết với nhà trường và (ii) Thu thập các tài liệu, số liệu phục vụ cho luận văn tốt nghiệp, chuẩn bị và thực hành một số phương pháp cần thiết cho luận văn tốt nghiệp.
- Trong quá trình tham quan học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, thu thập số liệu, phân tích để từ đó chuẩn bị phần trình bày về đô thị như là một case study (sự nghiên cứu dựa trên đối tượng và hoàn cảnh cụ thể) về chủ đề của từng đô thị cụ thể.
- Học viên cũng được tham gia vào một số báo cáo thuyết trình của các chuyên gia tại địa phương, cùng tham gia hội thảo và phân tích vấn đề. Sau khi trở về học viên phải chuẩn bị bài báo cáo, thuyết trình về đô thị được tham quan.
- Thông qua phần trao đổi thảo luận với nhóm giảng viên chuyên ngành và các chuyên gia để hình thành các ý tưởng và nội dung cơ bản của đề tài luận văn, qua đó xây dựng đề cương chi tiết của luận văn tốt nghiệp.
- Trong quá trình tham quan học viên sử dụng các phương pháp quan sát trực quan, thu thập số liệu phân tích để từ đó chuẩn bị phần trình bày về các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu dự kiến
- Học phần sẽ được kết thúc bằng việc đánh giá đề cương của nhóm giảng viên. Đề cương luận văn được góp ý và phê duyệt sẽ là cơ sở thực hiện luận văn trong kỳ tiếp

7.4.2 KQD - Luận văn tốt nghiệp

* Số tín chỉ: 09

- Thực hiện nội dung và quy cách của luận văn theo yêu cầu của quy chế đào tạo.